

ĐỀ KIỂM TRA TIẾNG ANH LỚP 5 THEO TỪNG UNIT

UNIT 1: WHAT'S YOUR ADDRESS?

1. Đề kiểm tra tiếng Anh Unit 1 lớp 5 có đáp án số 1

I. Từ vựng tiếng Anh – hoàn thành từ tiếng Việt sang tiếng Anh

1. thành phố ->

2. làng xóm ->

3. tỉnh thành ->

4. thị trấn ->

5. địa chỉ ->

6. tòa tháp ->

7. tầng ->

8. đường phố ->

9. quê nhà ->

10. vùng quê ->

11. núi ->

12. đất nước ->

II. Sắp xếp câu theo thứ tự đúng



1. address/ What/ Mai's/ is? ->
2. does/ she/ Who/ with/ live? ->
3. her/ Is/ house/ beautiful? ->
4. 56 Nguyen Trai/ is / Street/ It. ->
5. she/ Where/ does/ live? ->
6. Da Nang/ hometown/ His/ city/ is. ->
7. hometown/ like/ What/ his/ is? ->
8. small/ quiet/ village/ and/ It/ is. ->
9. you/ Do/ your/ live/ with/ parents? ->
10. are/ modern/ There/ towers/ my/ in/ town. ->

III. Điền từ thích hợp vào ô trống (Từ vựng bài I)

1. Quang Nam is my father's hometown. ->
2. My aunt and uncle live in a small in the countryside. ->
3. Her family lives on the third of HAGL Tower. ->
4. There is a big and tall in front of my house. ->
5. Da nang is one of the most beautiful in Vietnam. ->
6. Their is 97B, Nguyen Van Cu Street. ->



7. Truong Son is the longest in my country. ->

8. Peter's is London City in England. ->

2. Đáp án Đề kiểm tra tiếng Anh 5 Unit 1 số 1

I. Từ vựng tiếng Anh – hoàn thành từ tiếng Việt sang tiếng Anh

1. city	2. village	3. province	4. town	5. address	6. tower
7. floor	8. street	9. hometown	10. countryside	11. mountain	12. country

II. Sắp xếp câu theo thứ tự đúng

1. What is Mai's address?
2. Who does she live with?
3. Is her house beautiful?
4. It is 56 Nguyen Trai street.
5. Where does she live?
6. His hometown is Da Nang city.
7. What is his hometown like?
8. It is small and quiet village.
9. Do you live with your parents?

10. There are modern towers in my town.

III. Điền từ thích hợp vào ô trống (Từ vựng bài I)

1. province; 2. village; 3. floor; 4. tower;

5. city; 6. address; 7. mountain; 8. hometown;

3. Đề kiểm tra 15 phút Unit 1 tiếng Anh lớp 5 số 2

I. Choose the odd one out.

1. A. address	B. village	C. town	C. countryside
2. A. river	B. mountain	C. street	D. sea
3. A. new	B. beautiful	C. large	D. tower
4. A. Who	B. on	C. at	D. in
5. A. Da nang	B. Ha Noi	C. Ho Chi Minh	D. English

II. Reorder the words.

1. her/ What/ address/ sister's/ is/ ?

2. Le Loi street/ 56/ is / It/ ./

3. apartment/ Da Nang city/ His/ in/ is/ . /



4. beautiful/ village/ is / My/ ./

5. floor/ your apartment/ Which/ is/ on/ ?

III. Fill the blank with suitable words.

on/ address/ street/ Where/ floors/

Linh: What's your _____(1)_____, Lan?

Lan: It is 82 Dich Vong Hau _____(2)_____.

Linh: How many ___(3)___ does your house have?

Lan: It has three floor.

Linh: _____(4)_____ is your bedroom?

Lan: It's ___(5)___ the second floor.

4. Đáp án Đề kiểm tra 15 phút tiếng Anh Unit 1 lớp 5

I. Choose the odd one out.

1 - A; 2 - C; 3 - D; 4 - A; 5 - D;

II. Reorder the words.

1 - What is her sister's address?

2 - It is 56 Le Loi street.

3 - His apartment is in Da Nang city?

4 - My village is beautiful.

5 - Which floor is your apartment on?

III. Fill the blank with suitable words.

1 - address; 2 - street; 3 - floors; 4 - Where; 5 - on;

Mời các bạn tham khảo thêm các tài liệu học tập khác tại:

<https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-5>